

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thương mại và Xây dựng Đông Dương

Ngày 31/03/2025	13,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-1.5%	0%

DT thuần Q1/25
72.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.8 -34.4%
YoY: ▼32.8 -31.2%

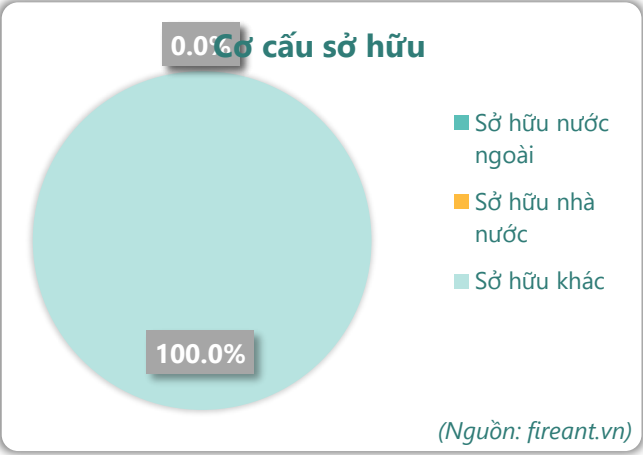
LN thuần Q1/25
1.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.59 -56.5%
YoY: ▼1.55 -55.9%

LN sau thuế Q1/25
0.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.42 -59.1%
YoY: ▼1.80 -64.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
4.4%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM) Q1/25
3.9%
YoY: +/-▼ 1.2%

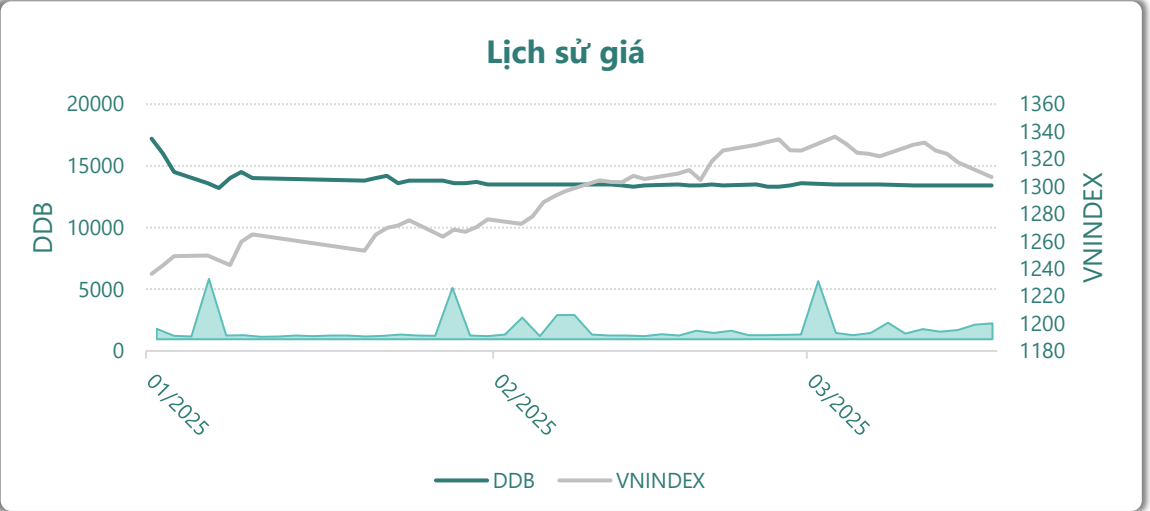
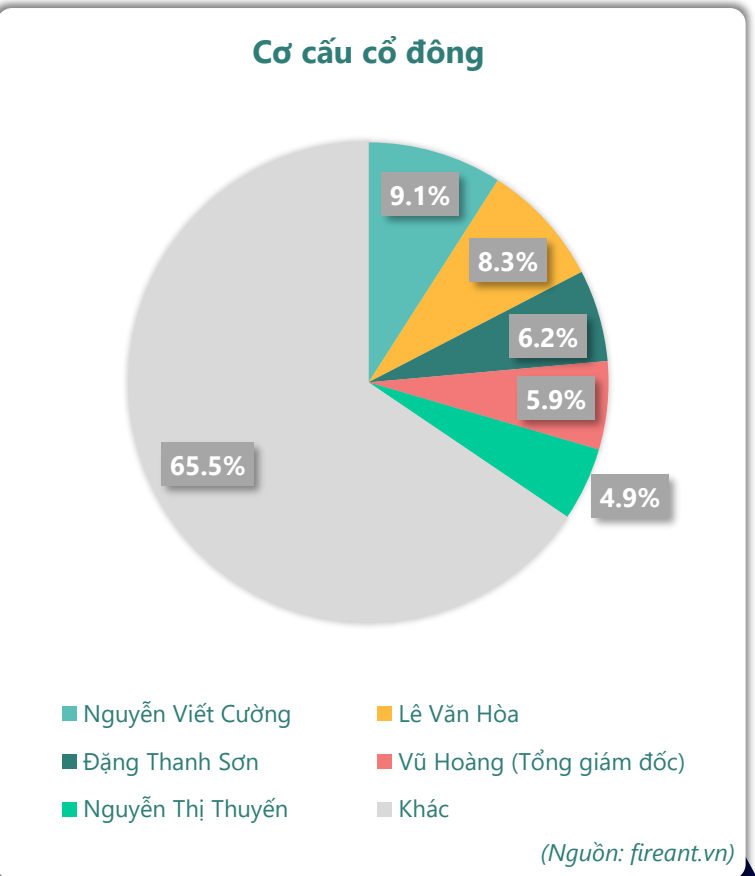
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,200 - 17,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	161
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	76,310
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.13)
EPS	485
P/E	27.6



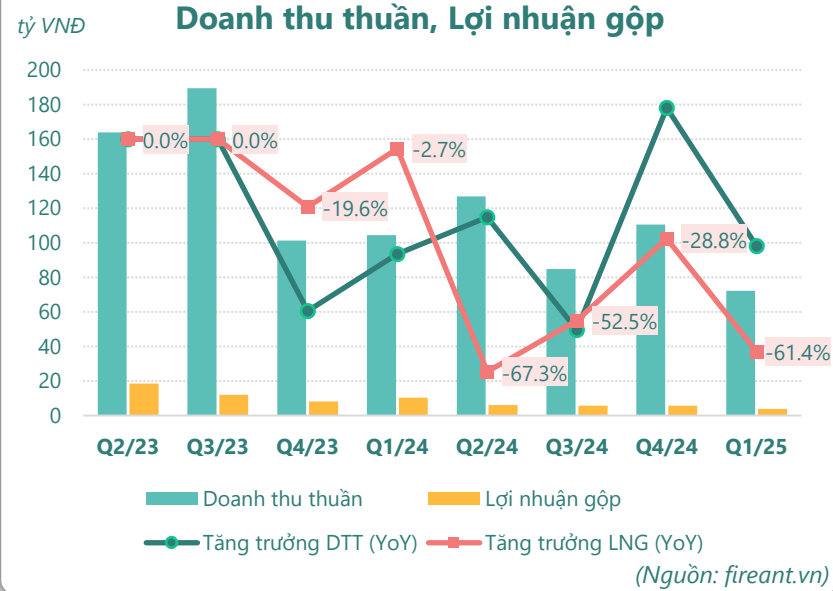
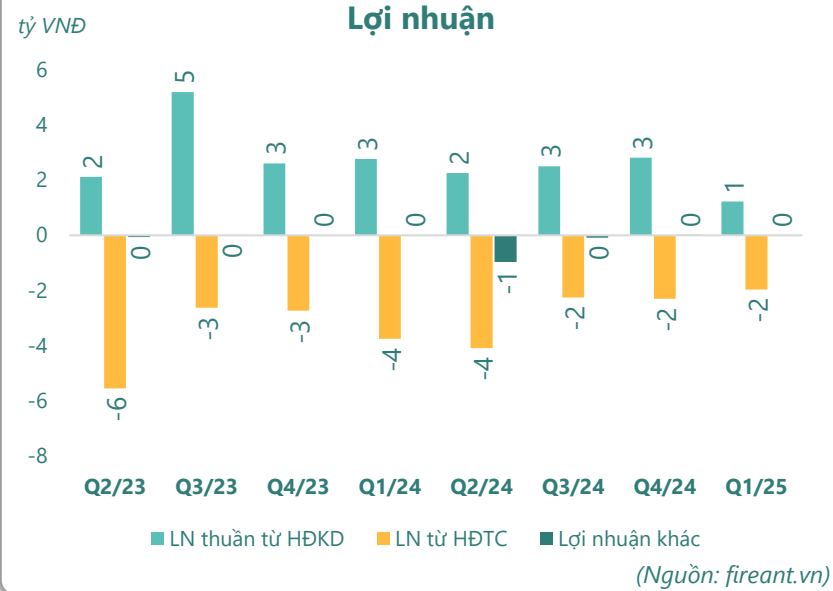
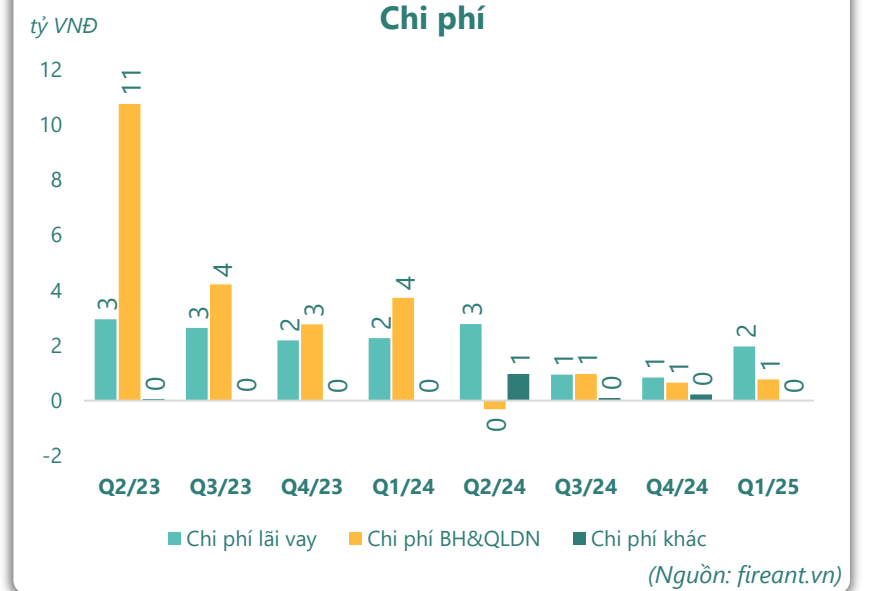
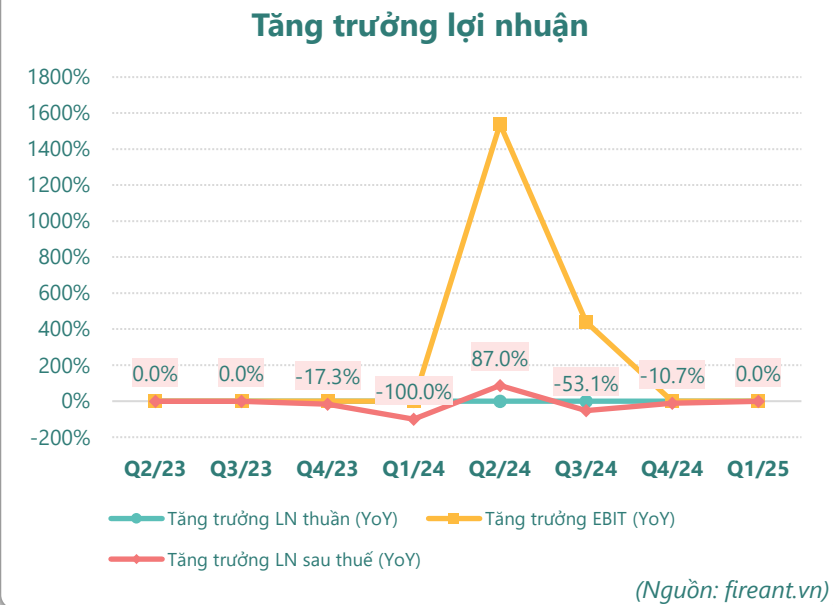
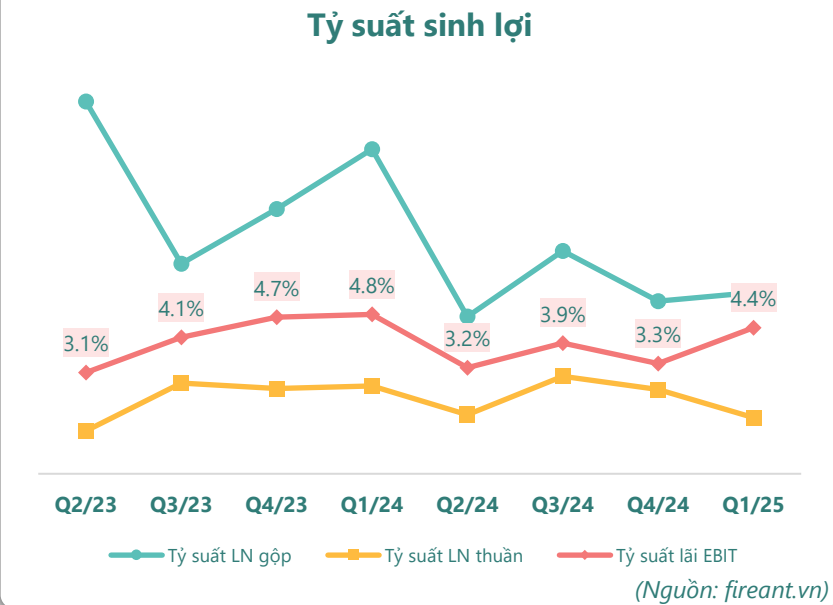
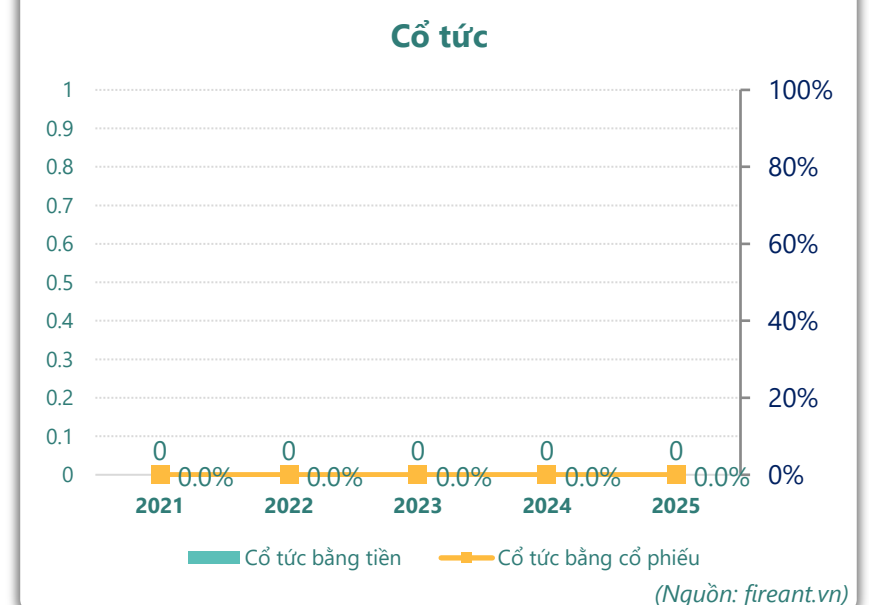
DT thuần 2024
427
tỷ VNĐ
YoY: ▼184 -30.2%

LN thuần 2024
8.26
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.14 -33.2%

LN sau thuế 2024
4.35
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.23 -54.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH

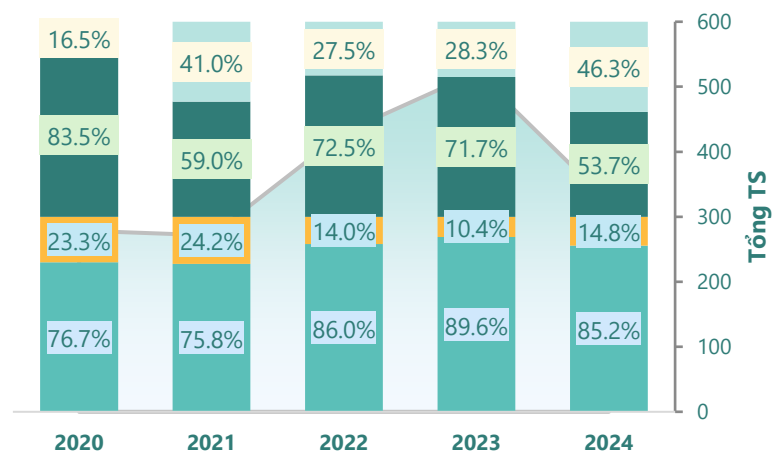




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

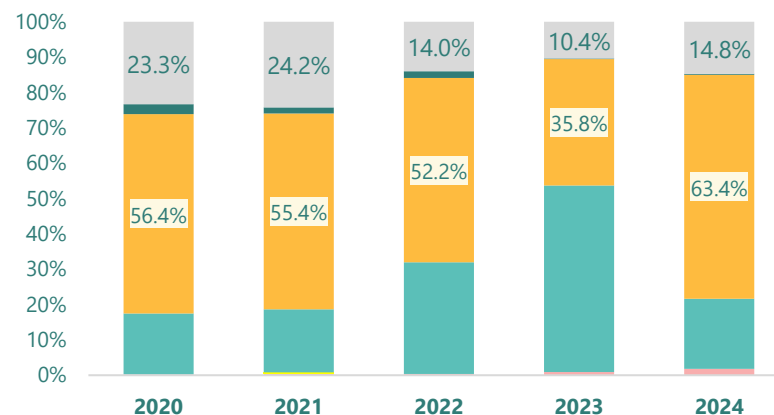
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

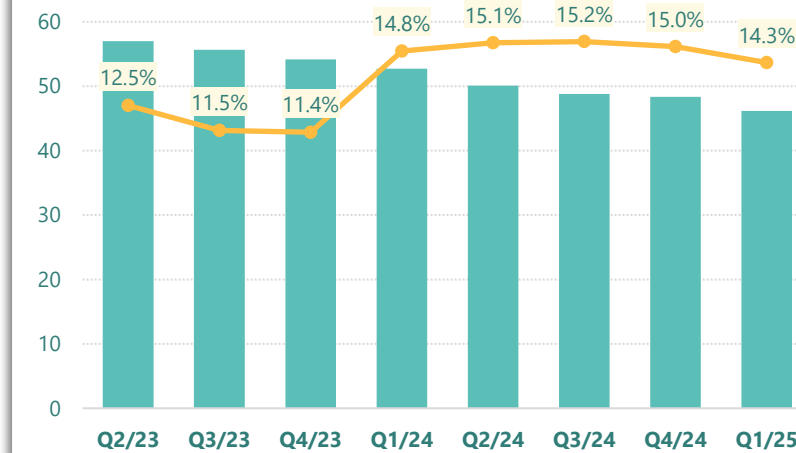


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

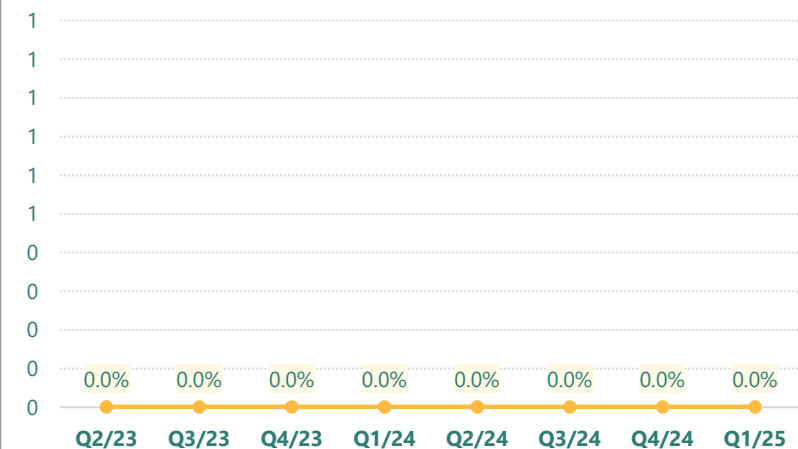


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

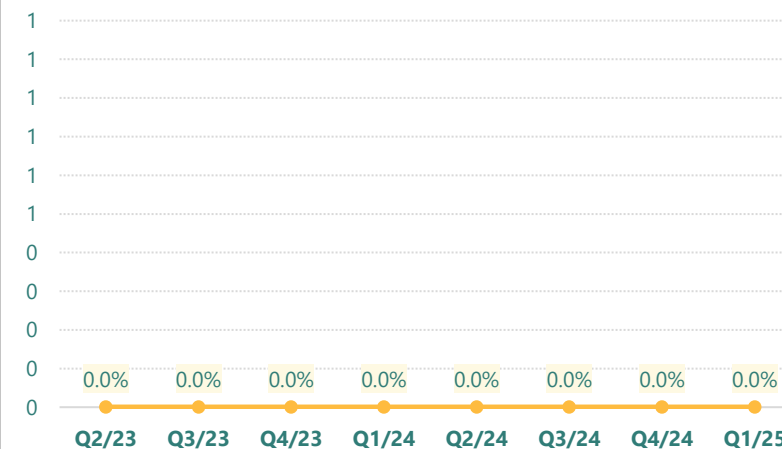


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

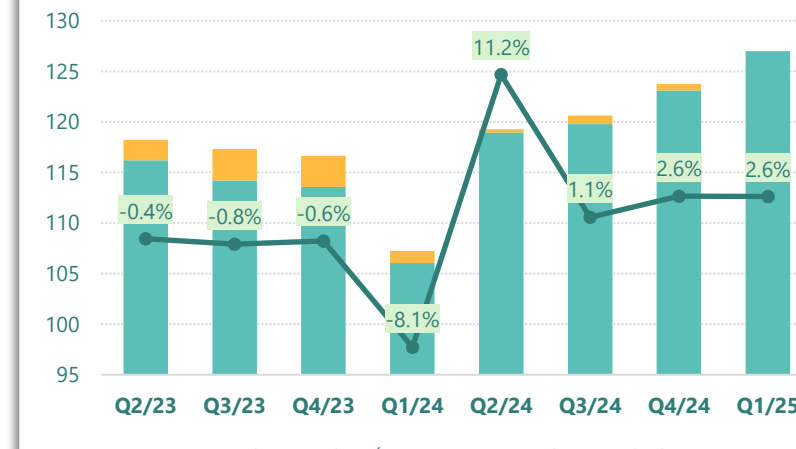


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



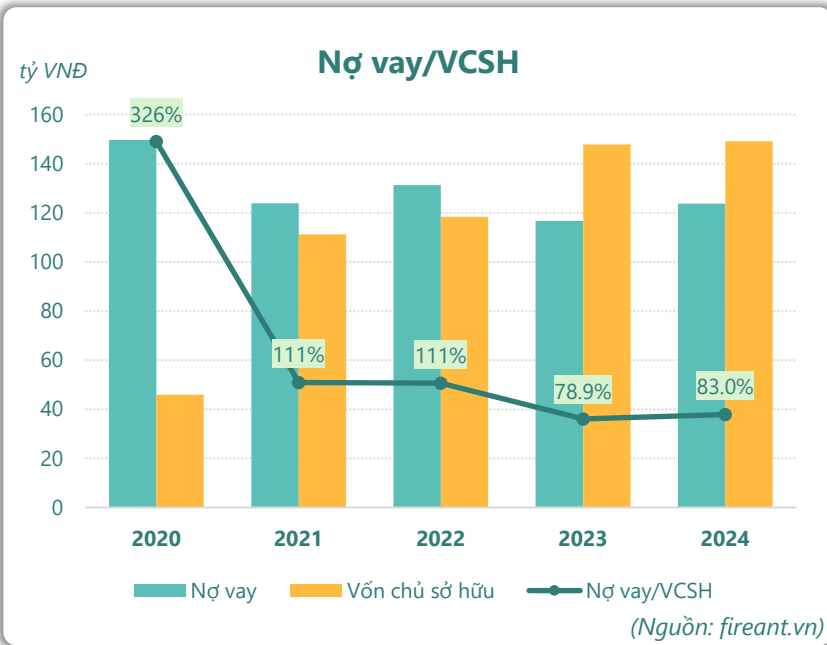
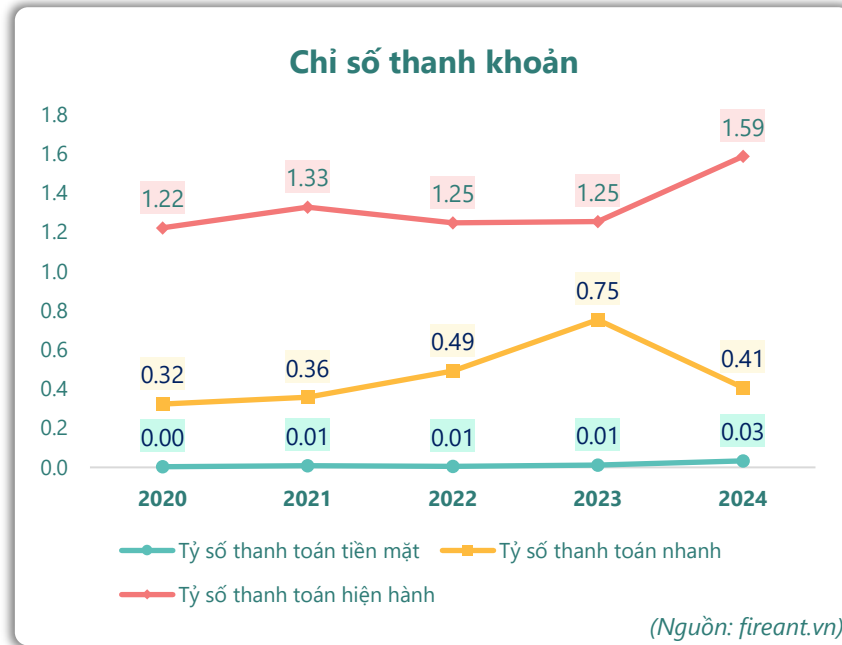
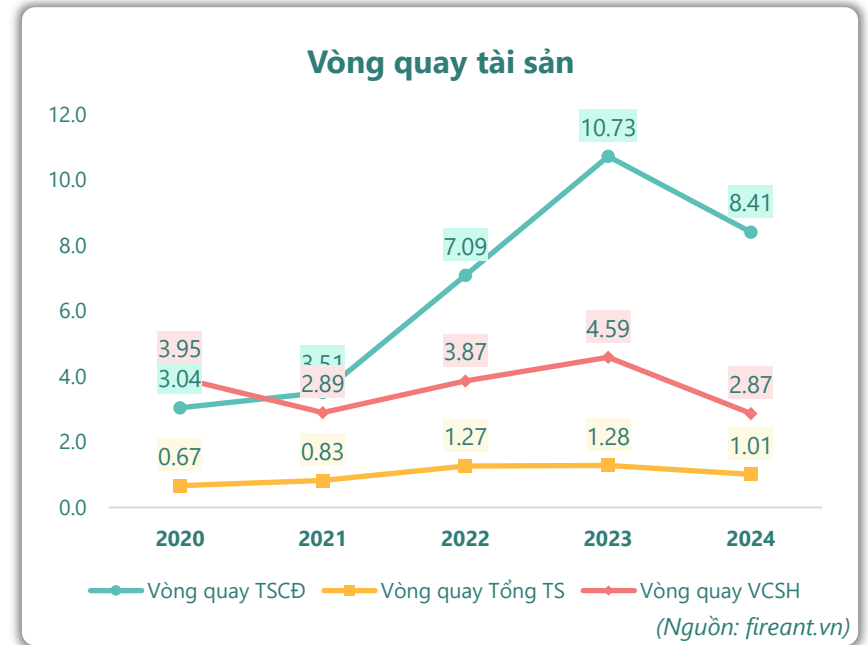
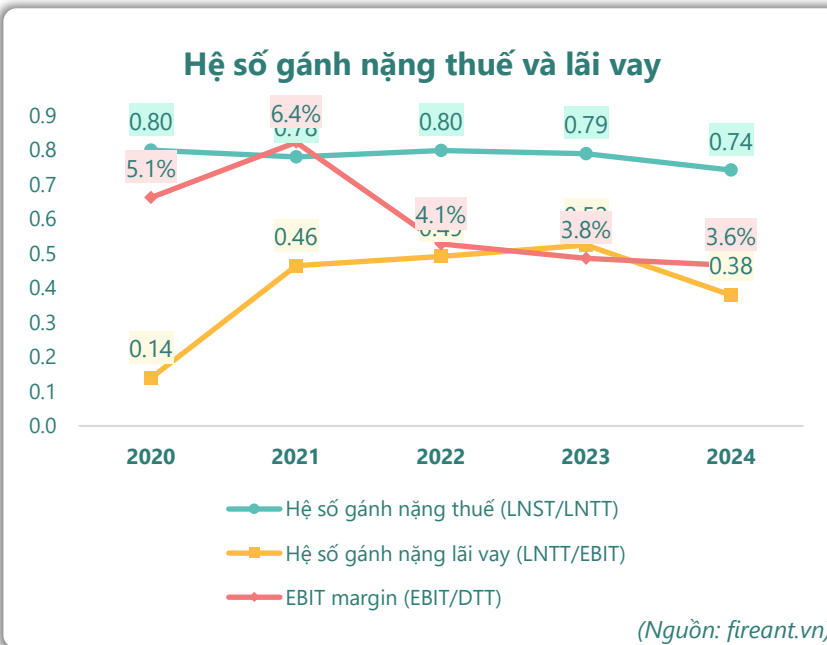
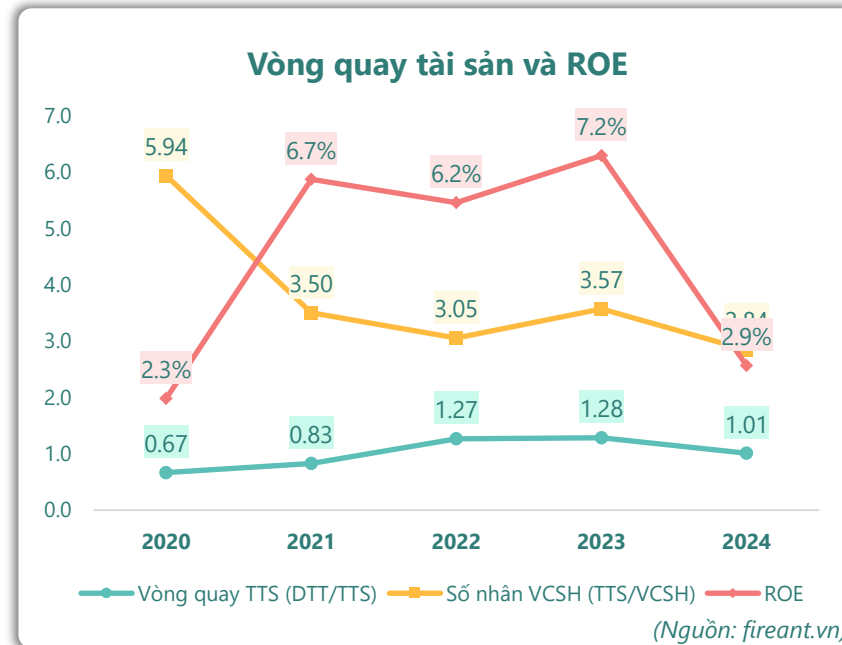
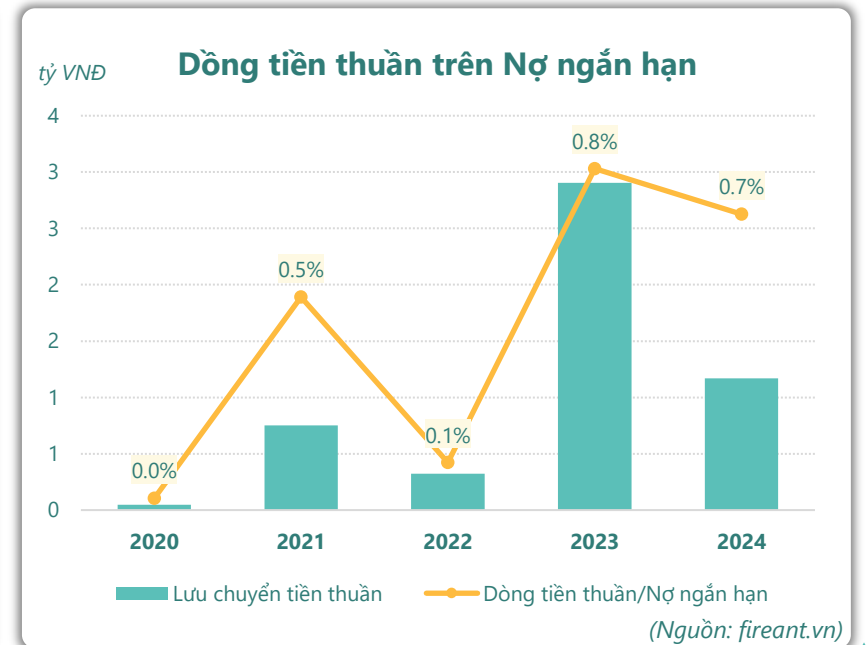
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	72.2	105	-31.2%	427	611	-30.2%
Giá vốn hàng bán	68.2	94.2	-27.6%	401	553	-27.4%
Lợi nhuận gộp	3.96	10.3	-61.6%	25.4	58.3	-56.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-85.7%	0.28	1.78	-84.3%
Chi phí TC	1.97	3.77	-47.8%	12.4	25.2	-50.8%
Chi phí lãi vay	1.97	2.26	-13.0%	9.59	11.0	-12.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.22	1.92	-88.5%	1.78	17.6	-89.9%
Chi phí QLDN	0.54	1.80	-69.8%	3.26	4.87	-32.9%
LN thuần từ HĐKD	1.23	2.78	-55.9%	8.26	12.4	-33.2%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-2.40	-0.26	-840%
LN trước thuế	1.23	2.78	-55.9%	5.87	12.1	-51.6%
Lợi nhuận sau thuế	0.98	2.78	-64.7%	4.35	9.58	-54.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0.98	2.78	-64.7%	4.35	9.58	-54.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.5	0.27	1.58	0.92	0	-12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0.01	0	0	8.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.3	-1.28	0.76	1.53	0	3.32
Tiền đầu kỳ	1.79	4.55	3.55	4.55	0	5.72
Lưu chuyển tiền thuần	1.17	-1.00	2.34	2.45	0	-0.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.96	3.55	5.89	7.00	0	5.44

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	323	322	0.2%
Tài sản ngắn hạn	277	275	0.7%
Tiền và tương đương tiền	5.44	5.72	-4.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	0	
Phải thu ngắn hạn	60.1	64.0	-6.0%
Hàng tồn kho	209	204	2.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.78	0.83	-5.0%
Tài sản dài hạn	46.2	47.6	-2.8%
Phải thu dài hạn	0	0.22	-100%
Tài sản cố định	46.2	47.3	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.06	-14.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	173	173	-0.3%
Nợ ngắn hạn	173	173	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	124	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.6	22.8	-18.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	150	149	0.6%
Vốn chủ sở hữu	150	149	0.6%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

